

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG
TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 341/2023/HSST
Ngày 15-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG
TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn
Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh T – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 350/2023/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2023/HSST-QĐXX ngày 23 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Bá Đ, sinh năm: 1979, tại TP . Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 180/26 đường N, phường G, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở hiện tại: 522/4 đường T, phường H, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Bô: **Nguyễn Bá Đ1** và mẹ: **Đặng Thị T1**; vợ: **Nguyễn Thị T2** và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại: 5 đường T, phường H, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thu Bạch T3**, sinh năm: 1958; địa chỉ: 3 đường L, phường T, quận G, TP . Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để giải quyết công việc nên vào ngày 30/6/2022, bà **Lê Thu Bạch T3** liên hệ và hỏi vay của bị cáo **Nguyễn Bá Đại S** tiền 50.000.000đồng, hai bên thoả thuận lãi suất 1%/ngày, tương đương số tiền lãi hàng ngày bà **T3** phải đóng cho bị cáo **Đ** là 500.000đồng, đóng lãi 10 ngày/lần. Sau khi hai bên thoả thuận thống nhất việc vay và trả lãi thì bị cáo **Đ** chuyển khoản từ số tài khoản 366666866668, tên chủ tài khoản NGUYEN BA DAI, tại **ngân hàng M chi nhánh H** đến số tài khoản của bà **T3** là 0081001288326, tại **ngân hàng V chi nhánh V1** số tiền 50.000.000đồng. Trong khoảng thời gian từ ngày 30/6/2022 đến ngày 20/10/2022, cứ 10 ngày bà **T3** trả tiền lãi cho bị cáo **Đ** với số tiền 5.000.000đồng thông qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà **T3** đến tài khoản của bị cáo **Đ**. Từ ngày 22/10/2022 đến ngày 02/01/2023, do bà **T3** không có đủ tiền để đóng lãi cho bị cáo **Đ** như thoả thuận trước đó nên hai bên thống nhất việc chia nhỏ đóng lãi mỗi lần 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng trong khoảng thời gian 10 ngày. Từ ngày 03/01/2023, bà **T3** không còn khả năng đóng lãi cho bị cáo **Đ** theo thoả thuận, nhận thấy hành vi của bị cáo **Đ** có dấu hiệu “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên bà **T3** đã đến cơ quan chức năng để trình báo toàn bộ sự việc.

Quá trình điều tra xác định: Bị cáo **Nguyễn Bá Đ** đã cho bà **T3** vay số tiền 50.000.000đồng, với mức lãi suất áp dụng 1%/ngày/tổng số tiền vay là 500.000đồng/ngày, tương đương 365%/năm. Tổng số tiền lãi bà **T3** đã đóng cho bị cáo **Đ** là 94.000.000đồng, tương đương bà **T3** đóng lãi cho bị cáo **Đ** được 94.000.000đồng chia 500.000đồng/ngày = 188 ngày.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Trường hợp các bên có thoả thuận về thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20% của khoản tiền vay. Như vậy, tổng số tiền lãi theo quy định là: 50.000.000đồng x 188 ngày x (20% chia cho 365 ngày) = 5.150.685đồng.

Tổng số tiền bị cáo **Đ** thu lợi bất chính là: 94.000.000đồng - 5.150.685đồng = 88.849.315đ (**T4** mười tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng), mức lãi suất cao gấp 18,25 lần lãi suất quy định của Bộ luật dân sự.

Hiện bà **T3** chưa trả số tiền gốc đã vay là 50.000.000đồng cho bị cáo **Nguyễn Bá Đ**.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng trong vụ án: Không.

+ *Về trách nhiệm dân sự:* Bà **Lê Thu Bạch T3** đồng ý trả số tiền gốc cho bị cáo **Nguyễn Bá Đ** và yêu cầu bị cáo **Đ** trả lại số tiền đã thu lợi bất chính đã nhận cho bà **T3**.

Bản cáo trạng số 325/CT-VKS ngày 30-10-2023, Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu đã truy tố bị cáo **Nguyễn Bá Đ** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo **Nguyễn Bá Đ** đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo **Nguyễn Bá Đ** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Bá Đại t** 70.000.000đồng đến 80.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Nguyễn Bá Đ** trả lại cho bà **Lê Thu Bạch T3** số tiền 38.849.315đồng. Buộc bị cáo **Nguyễn Bá Đ** phải nộp lại số tiền gốc cho vay và số tiền lãi theo quy định của Pháp luật đã nhận là 55.150.685đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Bá Đ** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do cần tiền để giải quyết công việc nên ngày 30/6/2022, bà **Lê Thu Bạch T3** vay của bị cáo **Nguyễn Bá Đại s** tiền 50.000.000đồng với lãi suất 1%/ngày (tương đương 365%/năm), cao gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự năm 2015 quy định (20%/năm). Tổng số tiền lãi bị cáo **Nguyễn Bá Đ** đã thu bà **Lê Thu Bạch T3** là: 94.000.000đồng (trong đó: Tổng số tiền lãi theo quy định là: 5.150.685đồng; Tổng số tiền bị cáo **Đ** thu lợi bất chính là: 88.849.315đồng). Hiện bà **T3** chưa trả số tiền gốc đã vay là 50.000.000đồng cho bị cáo **Nguyễn Bá Đ**.

Hành vi cho vay với mức lãi suất cao gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự năm 2015 quy định và thu lợi bất chính số tiền 88.849.315đ (Tám mươi tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) mà bị cáo **Nguyễn Bá Đ** đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến lĩnh vực hoạt động tín dụng, Ngân hàng do Nhà nước trực tiếp quản lý; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và xã hội nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm

đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt nên áp dụng hình phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự cũng đủ răn đe và giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà **Lê Thu Bạch T3** đồng ý trả lại số tiền gốc cho bị cáo **Nguyễn Bá Đ** và yêu cầu bị cáo **Đ** trả lại số tiền đã thu lợi bất chính đã nhận cho bà **T3**. Bị cáo đồng ý với yêu cầu của bà **T3** nên ghi nhận. Như vậy, bị cáo **Nguyễn Bá Đ** có trách nhiệm phải trả lại cho bà **Lê Thu Bạch T3** số tiền: $88.849.315 \text{ đồng} - 50.000.000 \text{ đồng} = 38.849.315 \text{ đ}$ (Ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

[7] Về các biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo **Nguyễn Bá Đ** phải nộp lại số tiền gốc đã cho vay là 50.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Pháp luật mà bị cáo **Đ** đã nhận là 5.150.685 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước vì đây là công cụ phạm tội và do hành vi phạm tội mà có.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Bá Đ** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Bá Đ** tiền 70.000.000đ (**B** mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Nguyễn Bá Đ** có trách nhiệm phải trả cho bà **Lê Thu Bạch T3** số tiền 38.849.315đ (Ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo **Nguyễn Bá Đ** phải nộp lại số tiền 55.150.685đ (Năm mươi lăm triệu một trăm năm mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Bá Đ** phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.942.465đ (Một triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kiên